

Số: 05/2024/NQ-HĐND

Lạng Sơn, ngày 24 tháng 6 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Quy định tiêu chí thành lập và tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; nội dung và mức hỗ trợ đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật An toàn, vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Công an nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công an nhân dân ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở ngày 28 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động;

Căn cứ Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BCA ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

Xét Tờ trình số 105/TTr-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định tiêu chí thành lập và tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh trật tự; nội dung và mức bồi dưỡng, mức hỗ trợ đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định tiêu chí thành lập và tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; nội dung và mức hỗ trợ đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

2. Đối tượng áp dụng:

- Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Tiêu chí thành lập Tổ và tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự

1. Tiêu chí thành lập Tổ: Mỗi thôn, tổ dân phố thành lập 01 Tổ bảo vệ an ninh, trật tự.

2. Tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự:

a) Đối với thôn, tổ dân phố thuộc các xã, thị trấn

- Thôn, tổ dân phố có từ 350 hộ gia đình trở xuống thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự có 03 thành viên, gồm Tổ trưởng, Tổ phó và Tổ viên.

- Thôn, tổ dân phố có trên 350 hộ gia đình nếu tăng thêm đủ 1/2 của 350 hộ gia đình thì được tăng thêm 01 Tổ viên.

b) Đối với tổ dân phố thuộc các phường

- Tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở xuống thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự có 05 thành viên, gồm Tổ trưởng, Tổ phó và các Tổ viên.

- Đối với tổ dân phố có trên 500 hộ gia đình nếu tăng thêm đủ 1/2 của 500 hộ gia đình thì được tăng thêm 01 Tổ viên.

Điều 3. Nội dung và mức hỗ trợ đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

1. Nội dung và mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng:

a) Tổ trưởng: 1.300.000 đồng/người/tháng.

b) Tổ phó: 1.200.000 đồng/người/tháng.

c) Tổ viên: 1.100.000 đồng/người/tháng.

2. Mức hỗ trợ tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế:

a) Mức hỗ trợ tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện: Hỗ trợ thêm 10% mức đóng bảo hiểm xã hội hằng tháng theo mức chuẩn hộ nghèo khu vực nông thôn áp dụng trong từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định (*ngoài mức hỗ trợ đóng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 134/2015/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện*).

b) Mức hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế: Hỗ trợ đảm bảo đủ 100% mức đóng bảo hiểm y tế, trong đó:

- Về đối tượng: Bao gồm tất cả các đối tượng được và chưa được ngân sách nhà nước đóng, hỗ trợ mức đóng.

- Về kinh phí: Bao gồm kinh phí hỗ trợ mức đóng do Chính phủ quy định và kinh phí hỗ trợ mức đóng do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định.

3. Mức hỗ trợ đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở khi được cấp có thẩm quyền huy động thực hiện nhiệm vụ:

a) Khi làm nhiệm vụ từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau, ngày nghỉ thì được hưởng mức hỗ trợ bằng 200% mức hỗ trợ của ngày làm việc bình thường tính theo số giờ làm thêm thực tế; khi làm nhiệm vụ vào ngày lễ, ngày tết được hưởng mức hỗ trợ bằng 300% mức hỗ trợ của ngày làm việc bình thường tính theo số giờ làm thêm thực tế. Mức hỗ trợ không vượt quá 200 giờ/người/năm.

b) Khi thực hiện công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật về lao động được hỗ trợ 32.000 đồng/người/ngày. Nếu làm việc dưới 04 giờ trong ngày thì được tính bằng 50% mức hỗ trợ, nếu làm việc từ 04 giờ trong ngày trở lên thì được tính 100% mức hỗ trợ. Mức hỗ trợ này được hưởng thêm ngoài mức hỗ trợ được quy định tại điểm a khoản này.

c) Khi được điều động, huy động, cử đi thực hiện nhiệm vụ ngoài địa bàn phụ trách thì được cơ quan điều động, huy động, cử đi thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phương tiện đi lại; hỗ trợ tiền ăn với mức tiền là 70.000 đồng/người/ngày; được hỗ trợ chế độ công tác phí theo quy định hiện hành.

4. Mức hỗ trợ thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế bị ốm đau, tai nạn, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ:

a) Hỗ trợ thanh toán 70% chi phí khám bệnh, chữa bệnh (không bao gồm chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu) trong thời gian điều trị nội trú đến khi ổn định sức khỏe ra viện.

b) Hỗ trợ tiền ăn hằng ngày trong thời gian điều trị nội trú đến khi ổn định sức

khỏe ra viện với mức tiền là 70.000đồng/người/ngày.

5. Mức hỗ trợ đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, chết khi thực hiện nhiệm vụ:

a) Trường hợp bị tai nạn: Trong thời gian điều trị tai nạn được hưởng hỗ trợ theo quy định tại khoản 4 Điều này (kể cả trường hợp vết thương tái phát) cho đến khi ra viện. Nếu tai nạn làm suy giảm khả năng lao động đến 5% thì được hưởng trợ cấp một lần bằng 7.450.000 đồng; sau đó, cứ suy giảm thêm 01% thì được hưởng thêm 745.000 đồng.

b) Trường hợp tai nạn dẫn đến chết: Thân nhân được hưởng trợ cấp tiền tuất bằng 53.640.000 đồng và được hưởng tiền mai táng phí bằng 14.900.000 đồng.

Điều 4. Nội dung và mức hỗ trợ đảm bảo hoạt động của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

1. Ngoài phần trang bị của Bộ Công an, hỗ trợ mua sắm, sửa chữa phương tiện, thiết bị; bảo đảm điều kiện hoạt động đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 26 Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; Điều 4 Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ. Mức chi hỗ trợ trên cơ sở chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

2. Chi hỗ trợ trang phục, huy hiệu, phù hiệu, biển hiệu, giấy chứng nhận của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 26 Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; Điều 3 Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ. Mức chi hỗ trợ trên cơ sở chế độ chi tiêu tài chính, đơn giá hiện hành và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

3. Chi hỗ trợ công tác tập huấn, diễn tập, hội thi, sơ kết, tổng kết, tổ chức phong trào thi đua, khen thưởng do địa phương tổ chức

a) Chi hỗ trợ công tác tập huấn, diễn tập, hội thi: Mức chi theo quy định tại Thông tư số 128/2020/TT-BCA ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an về chế độ chi tập huấn và hội thi điều lệnh, quân sự, võ thuật trong Công an nhân dân; các quy định hiện hành.

b) Chi hỗ trợ công tác sơ kết, tổng kết: Mức chi theo các quy định hiện hành.

c) Tổ chức phong trào thi đua, khen thưởng: Mức chi theo thực tế và các quy định tại Luật Thi đua, khen thưởng; Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; các quy định hiện hành.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Do ngân sách trung ương và địa phương bảo đảm theo quy định và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết sau:

a) Nghị quyết số 10/2008/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tổ chức và chế độ phụ cấp đối với lực lượng Bảo vệ dân phố tại thành phố Lạng Sơn.

b) Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đối với lực lượng Công an viên bán chuyên trách trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

c) Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó đội Dân phòng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn khóa XVII, Kỳ họp thứ hai mươi sáu thông qua ngày 24 tháng 6 năm 2024 và có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 7 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Công an, Quốc phòng, Y tế, Nội vụ, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Lạng Sơn, Đài PTTH tỉnh, Cổng TTĐT tỉnh, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH



Đoàn Thị Hậu